

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN

TÀI KHOẢN				
MÃ PHÍ	TT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	
			TK VND	TK NGOẠI TỆ
	I	Mở tài khoản	Miễn phí	
A001	1	Số dư tối thiểu	Theo Quy chế mở và sử dụng tài khoản của VCB	
	II	Quản lý tài khoản		
A002	1	Tài khoản thường	20.000 VND/tháng/TK	1 USD/tháng/TK
A003	2	Tài khoản đồng chủ sở hữu	Theo thỏa thuận Tối thiểu 20.000 VND/tháng/TK	Theo thỏa thuận Tối thiểu 2 USD/tháng/TK
A004	3	Tài khoản có yêu cầu quản lý đặc biệt (như quản lý theo hạn mức, theo nhóm ...và các yêu cầu đặc thù khác theo yêu cầu của Chủ tài khoản và khả năng đáp ứng của VCB)	Theo thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND/tháng/TK	Theo thỏa thuận Tối thiểu 3 USD/tháng/TK
	III	Đóng tài khoản (theo yêu cầu của khách hàng)		
A005	1	- Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	100.000 VND/TK/lần	5 USD/TK/lần
A006	2	- Trên 12 tháng kể từ ngày mở	Miễn phí	
	IV	Phong tỏa/tạm khóa tài khoản (một phần/toàn bộ số dư trên tài khoản tại VCB)		
A007	1	Theo yêu cầu của VCB hoặc quy định của pháp luật	Miễn phí	
A008	2	Theo yêu cầu của khách hàng	50.000 VND/lần/TK	3 USD/lần/TK
	V	Sao kê tài khoản (gồm cả tài khoản tiền vay)		
	1	Cung cấp sao kê tài khoản tại VCB		
	1.1	In sao kê định kỳ		
A009	1.1.1	- In sao kê định kỳ một lần một tháng	Miễn phí	
A010	1.1.2	- In sao kê định kỳ nhiều hơn một lần một tháng	5.000 VND/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 20.000VND/lần	0,5 USD/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 1,5 USD/lần
	1.2	In sao kê đột xuất (theo yêu cầu của khách hàng)		
A011	1.2.1	- Sao kê các giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày yêu cầu	5.000VND/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 30.000VND/lần	0,5 USD/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 2 USD/lần
A012	1.2.2	- Sao kê các giao dịch phát sinh trên 12 tháng kể từ ngày yêu cầu	5.000VND/trang hoặc theo thỏa thuận. Tối thiểu 50.000VND/lần	0,5 USD/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 5 USD/lần
	2	Sao kê tài khoản theo điện Swift		

	2.1	Định kỳ theo yêu cầu của khách hàng (chưa bao gồm điện phí)		
A013	2.1.1	- Hàng tháng (≤ 04 lần/tháng)	100.000 VND/lần/TK	5 USD/lần/TK
A014	2.2.2	- Hàng tuần (≤ 05 lần/tuần)	50.000 VND/lần/TK	3 USD/lần/TK
A015	2.2.3	- Hàng ngày	30.000 VND/ lần/TK	2 USD/lần/TK
A016	2.2	Đột xuất theo yêu cầu của khách hàng	Phí sao kê tại mục 1.2 + điện phí	
A017	3	Gửi sao kê số phụ theo đường bưu điện (theo yêu cầu của khách hàng)	20.000 VNĐ + bưu phí thực tế	
	VI	Xác nhận số dư, tài khoản (gồm cả tài khoản tiền vay)		
A018	1	Xác nhận số dư/ tài khoản bằng văn bản theo yêu cầu của khách hàng hoặc trả lời thư kiểm toán (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	50.000 VND/bản (tiếng Việt hoặc tiếng Anh) 100.000 VNĐ/bản (song ngữ Tiếng Việt và tiếng Anh)	
A019	2	In bổ sung từ bản thứ 2	20.000 VND/bản	
	VII	Nộp tiền mặt vào tài khoản		
	1	Nộp tiền mặt VND vào Tài khoản VND		
A020	1.1	- Tại chi nhánh mở tài khoản và/hoặc tại chi nhánh cùng tỉnh/TP với chi nhánh mở tài khoản - cùng địa bàn	Miễn phí đối với trường hợp KH là chủ TK	
A021	1.2	- Tại chi nhánh khác tỉnh/TP với chi nhánh mở tài khoản - khác địa bàn	0,03% Tối thiểu 20.000 VND Tối đa 2.000.000 VND	
A022	2	Nộp tiền mặt ngoại tệ vào Tài khoản VND	Miễn phí đối với trường hợp KH là chủ TK	
	3	Nộp tiền mặt ngoại tệ vào Tài khoản ngoại tệ		
	3.1	USD:		
A023	3.1.1	- Loại từ 50 USD trở lên		0,2%, tối thiểu 2 USD
A024	3.1.2	- Loại từ 2 USD đến 20 USD		0,4%, tối thiểu 2 USD
A025	3.1.3	- Loại 1 USD		0,5%, tối thiểu 3 USD
A026	3.2	Ngoại tệ khác:		0,5%, tối thiểu 3 USD
	VIII	Rút tiền mặt từ tài khoản		
	1	Tài khoản VND		
A027	1.1	Rút tiền tại chi nhánh mở tài khoản và/hoặc chi nhánh cùng tỉnh/TP với chi nhánh mở tài khoản - cùng địa bàn	Miễn phí	
A028	1.2	Rút tiền tại chi nhánh khác tỉnh/TP với chi nhánh mở tài khoản - khác địa bàn	0,03% Tối thiểu 20.000 VND Tối đa 2.000.000 VND	

A029	1.3	Chủ tài khoản rút ra và/hoặc sử dụng trong vòng 02 ngày kể từ ngày nộp vào tài khoản	0,03% Tối thiểu 20.000 VND Tối đa 2.000.000 VND	
	2	Tài khoản ngoại tệ		
A030	2.1	USD		0,2%, tối thiểu 2 USD
A031	2.2	Ngoại tệ khác		0,4%, tối thiểu 3 USD
A032	3	Rút VND từ tài khoản ngoại tệ	Miễn phí	
	IX	Dịch vụ khác (theo yêu cầu của khách hàng)		
A033	1	Xác nhận thanh toán qua Ngân hàng	100.000 VND/lần	100.000 VND/lần
A034	2	Cung cấp bản sao chứng từ	5.000 VND/trang hoặc theo thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND/lần	
	3	Cấp bản sao giấy tờ đảm bảo		
A035	3.1	Cấp bản sao giấy tờ đảm bảo theo yêu cầu	30.000 VND/bản	30.000 VND/bản
A 036	3.2	Cấp bản sao giấy tờ đảm bảo có xác nhận của Công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp có thẩm quyền (không bao gồm phí công chứng)	100.000 VND/bộ	100.000 VND/bộ
A037	4	Phí thay đổi tài sản bảo đảm	300.000 VND/lần	
	5	Giao dịch giấy tờ có giá do VCB phát hành		
A038	5.1	Thông báo mất chứng từ có giá (không bao gồm Séc)	20.000 VND/tờ	
A039	5.2	Chuyển nhượng sở hữu giấy tờ có giá	30.000 VND/tờ/lần	
A040	5.3	Giám định, xác nhận giấy tờ có giá	30.000 VND/tờ	
A 041	6	Dịch vụ khác	Theo thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND	
A 042	X	Điện SWIFT	5 USD/điện	

Ghi chú:

- Biểu phí trên áp dụng đối với khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp.
- Các mức phí quy định trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) (trừ những trường hợp được quy định cụ thể). VCB sẽ tính thuế VAT đối với các khoản mục phí thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo qui định pháp luật hiện hành.
- Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VCB công bố tại thời điểm thu phí.
- Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định quản lý ngoại hối hiện hành của nhà nước.
- Các chi phí thực tế khác như thuế, phí của ngân hàng khác tham gia vào dịch vụ, bưu phí, điện phí (Swift, Telex, Fax...) sẽ được thu thêm theo thực chi hoặc theo quy định tại Biểu phí, trừ trường hợp có quy định khác.
- Chủ tài khoản được hiểu bao gồm chủ tài khoản và những người được chủ tài khoản ủy quyền thực hiện giao dịch theo danh sách hạn chế có đăng ký trước với VCB.

- VCB không thu phí các khoản thanh toán trực tiếp giữa khách hàng với VCB đối với các khoản trả nợ vay, trả lãi, trả phí dịch vụ, trả tiền mua giấy tờ in hoặc các phương tiện thanh toán ngoại trừ séc.
- Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của VCB gây ra, VCB không hoàn lại phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu.
- Biểu phí này được thay đổi mà không cần có sự báo trước của ngân hàng trừ khi ngân hàng và khách hàng có thỏa thuận khác.
- Các nội dung khác được quy định theo hướng dẫn của VCB trong từng thời kỳ.